

NGHĨA VỤ TRUNG THỰC, CẨN TRỌNG VÀ TRUNG THÀNH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

● PHAN THỊ THU NHÀI

TÓM TẮT:

Thực tiễn quản trị công ty những năm qua cho thấy, vai trò của người quản lý đối với sự phát triển của doanh nghiệp rất quan trọng. Người quản lý doanh nghiệp nói chung và với công ty cổ phần nói riêng là người trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đòi hỏi người quản lý phải thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành để bảo vệ tốt nhất lợi ích của công ty và các cổ đông. Tuy nhiên, những quy định của pháp luật hiện hành về nghĩa vụ của người quản lý vẫn còn nhiều vấn đề bất cập cần tiếp tục được hoàn thiện. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trung thành của người quản lý và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: người quản lý, nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành, giao dịch có khả năng tư lợi.

1. Nghĩa vụ của người quản lý công ty cổ phần

1.1. Khái niệm người quản lý

Sự thành bại của một doanh nghiệp chịu tác động rất lớn của những người “lèo lái” công ty. Do vậy, người nắm quyền quản lý điều hành trong công ty có vị trí quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, chỉ khi họ thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình mới đem lại lợi ích cho chủ sở hữu và chính công ty. Trên phương diện pháp lý, tùy theo pháp luật của mỗi nước

khác nhau, khái niệm về người quản lý công ty được định nghĩa khác nhau.

Luật công ty của các nước theo hệ thống Common Law xác định người quản lý dựa trên nguyên tắc: (i) là thành viên Ban giám đốc; (ii) giữ vị trí hoặc thực hiện vai trò trong vị trí của Giám đốc; (iii) người đưa ra các chỉ đạo để giám đốc làm theo. Như vậy, khái niệm Giám đốc, người quản lý công ty được hiểu khá rộng và bao gồm cả những người không được chỉ định chính thức làm người quản lý công ty[2].

Luật công ty của các nước Anh, Mỹ, Úc và các nước common law có khái niệm Giám đốc thực tế và Giám đốc giấu mặt. Giám đốc thực tế là người hành xử với vị trí, chức năng của Giám đốc nhưng họ đã không được bổ nhiệm giữ vị trí này một cách hợp pháp. Còn Giám đốc giấu mặt là người không được bổ nhiệm chính thức vào chức vụ Giám đốc, nhưng họ lại chỉ đạo và điều khiển Giám đốc hợp pháp hành động theo ý mình [2].

Đối chiếu với pháp luật Việt Nam, có thể thấy chúng ta xác định người quản lý công ty theo chức danh. Theo quy định tại khoản 24, Điều 4, Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty”.

Luật Doanh nghiệp đã tiếp cận để xác định người quản lý công ty theo hình thức liệt kê các chức danh mà họ nắm giữ. Ngoài các chức danh cụ thể, Luật Doanh nghiệp còn quy định theo hướng mở, đó là xác định những người quản lý công ty khác theo quy định tại Điều lệ công ty. Như vậy, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, người quản lý công ty cổ phần chia thành: Người quản lý công ty theo luật định gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Người quản lý công ty theo quy định tại Điều lệ công ty gồm: người có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch và người quản lý khác, có thể là: Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, trưởng văn phòng đại diện, trưởng chi nhánh, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó phòng,...

1.2. Nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành của người quản lý công ty

Nghĩa vụ của người quản lý được thể hiện ở hai khía cạnh: (1) Khía cạnh kinh tế: có trách nhiệm

thực hiện hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận cho công ty và vì lợi ích công ty. (2) Khía cạnh đạo đức: người quản lý phải thiện tâm, trung thực, miễn cưỡng trong công việc. Khi tham gia các giao dịch dưới danh nghĩa đại diện cho công ty, họ có trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, thực hiện giao dịch này vì lợi ích của công ty, không hà tỷ [5].

Điểm b và c Khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: “Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác”. Có thể thấy, nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành là những nghĩa vụ được đề cao đối với những người quản lý doanh nghiệp nói chung, cũng như đối với công ty cổ phần nói riêng.

Ở đây, nghĩa vụ trung thực đòi hỏi những người quản lý phải hành động một cách thẳng thắn, thành thực, không có sự gian dối trong mọi hoạt động của mình. Ứng xử theo những sự lựa chọn và thói quen hợp lý mà người ta có thể chờ đợi ở bất kỳ nhà kinh doanh nào. Đây là một yêu cầu quan trọng đối với bất kỳ nhà quản lý nào khi thực hiện các hoạt động điều hành công ty. Tuy nhiên, khi ứng xử vào trong hoạt động thực tế thì khái niệm này đôi khi tỏ ra rất mơ hồ.

Nghĩa vụ cẩn trọng đòi hỏi người quản lý công ty cần phải giữ thái độ cẩn thận, miễn cưỡng trong việc quản lý công việc của công ty, người quản lý phải tìm hiểu mọi thông tin có liên quan và chứng tỏ rằng đã cân nhắc mọi khả năng lựa chọn trước khi ra quyết định. Nghĩa vụ cẩn trọng không hoàn toàn giống với nghĩa vụ của người thụ thác. Người thụ thác có trách nhiệm bảo tồn tài sản, trong khi đó những người quản lý được mong đợi làm tăng giá trị tài sản cho công ty [3].

Theo Hamilton (người Mỹ), nghĩa vụ cẩn trọng có nghĩa là khi thực hiện chức vụ của mình người quản lý công ty cần phải: a, Có thiện chí; b, Thực hiện chức vụ như một người có thận trọng bình thường sẽ làm trong trường hợp tương tự; c, Với phương thức thích đáng, họ có lý do tin tưởng rằng đó là phương thức tốt nhất phù hợp với lợi ích công ty [8].

Nghĩa vụ trung thành yêu cầu các thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và những người quản lý khác phải toàn tâm toàn ý phục vụ lợi ích của công ty, hành động đáng tin cậy, không nên có những hành vi thất tín đối với công ty, không tiến hành các giao dịch với mình để tránh khỏi tình hình gây ra xung đột về lợi ích giữa cá nhân với công ty. Những người quản lý công ty phải sử dụng tiền được giao vì lợi ích của công ty, của chủ sở hữu công ty, không được lợi dụng vị thế của mình để trục lợi riêng.

Có thể thấy, Luật Doanh nghiệp hiện nay chưa có sự giải thích rõ như thế nào là trung thực, cẩn trọng, hay trung thành, cũng như chưa quy định rõ hành vi như thế nào thì gọi là thiếu cẩn trọng, mất cán hay trung thực. Quy định này mới chỉ thể hiện ở mức độ cơ bản và nguyên tắc chung. Các nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành nêu trên đều là những nghĩa vụ xuất phát từ nền tảng đạo đức, rất mơ hồ về các dấu hiệu pháp lý và phụ thuộc nhiều vào sự giải thích trong các trường hợp cụ thể [1]. Do vậy rất khó có thể hiểu để áp dụng đúng đắn trong thực tiễn, bởi nó là những yếu tố khó định lượng, định tính.

2. Thực trạng việc thực thi nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trung thành của người quản lý công ty cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành

2.1. Thực hiện các giao dịch có khả năng tư lợi

Bộ quy tắc của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) về quản trị công ty giải thích, giao dịch tư lợi (self dealing) là giao dịch có hành vi lạm dụng kinh doanh để tư lợi, hành vi này xảy ra

khi các cá nhân có quan hệ thân thiết với công ty, bao gồm cả cổ đông nắm quyền kiểm soát, lợi dụng các quan hệ đó gây tổn hại cho công ty và nhà đầu tư [7]. Khái niệm về giao dịch có khả năng tư lợi hàm chứa 3 yếu tố cơ bản: sự dịch chuyển quyền lợi của công ty sang cá nhân; sự vi phạm của người được ủy thác tham gia giao dịch; sự lạm dụng vị thế để tư lợi. Theo đó, giao dịch có khả năng tư lợi là giao dịch có khả năng sẽ gây thiệt hại về tài sản, quyền lợi của công ty do người đại diện tham gia giao dịch lạm dụng vị thế của mình nhằm thu lợi cho cá nhân [6].

Pháp luật về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi chỉ ra những giao dịch sau của công ty cần phải đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ hơn: thứ nhất, giao dịch giữa công ty với người có liên quan; thứ hai, giao dịch có giá trị lớn; thứ ba, giao dịch có nội dung bất thường.

• Giao dịch giữa công ty với người có liên quan

Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định người có liên quan là tổ chức, cá nhân quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: “a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mướn cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên; đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này; g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân,

công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.”

Do vậy, khi xác định người có liên quan có thể nhận diện dựa trên các yếu tố sau: người liên quan có thể là cá nhân hoặc tổ chức tham gia vào giao dịch của công ty; có mối quan hệ như thế nào với công ty (trực tiếp hay gián tiếp), thông qua quan hệ lợi ích, quan hệ gia đình, quan hệ quản lý,...; người liên quan có khả năng quyết định hoặc có khả năng chi phối tới việc xác lập và thực hiện giao dịch của công ty.

Khi tham gia giao dịch với các chủ thể này, công ty phải chịu những sức ép nhất định về tài chính cũng như quản lý, là nguyên nhân làm cho các giao dịch có nguy cơ không được xác lập một cách công bằng, bình đẳng [6].

● *Giao dịch có giá trị lớn*

Pháp luật về quản trị công ty đặc biệt quan tâm đến các giao dịch có giá trị lớn, bởi các giao dịch có giá trị lớn có khả năng ảnh hưởng đến cơ cấu tài chính và nền tảng chung của công ty. Dẫn đến lo ngại rằng nếu để xảy ra tư lợi thì công ty sẽ phải hứng chịu những thiệt hại nghiêm trọng.

Căn cứ vào từng loại hình công ty hoặc điều kiện của công ty, pháp luật xác định một tỷ lệ thích hợp để một giao dịch của công ty được gọi là giao dịch có giá trị lớn. Đối với công ty cổ phần giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác; đối với công ty đại chúng giao dịch có giá trị lớn là giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.[6]

● *Giao dịch có nội dung bất thường*

Giao dịch có nội dung bất thường là các giao dịch sau:

Thứ nhất, được đặt ra đối với một số doanh

nh nghiệp đang rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán và đang được giải quyết theo thủ tục phá sản, Luật Phá sản quy định một số giao dịch tư lợi có thể diễn ra như: cất giấu, tẩu tán tài sản; tặng cho tài sản...

Thứ hai, doanh nghiệp thực hiện một số giao dịch thể hiện sự bất thường như từ bỏ quyền đòi nợ hay miễn nợ...

Thứ ba, thực hiện những giao dịch nhưng có sự chênh lệch về giá cả so với giá thị trường tại thời điểm ký; hoặc những giao dịch được xác lập vào thời điểm kinh doanh không bình thường của công ty; hoặc các giao dịch chuyển nhượng tất cả hay một phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty [9]...

2.2. *Lạm dụng địa vị, chức vụ để tư lợi riêng*

Việc lạm dụng chức vụ để tư lợi không phải là câu chuyện xa lạ với bất kỳ doanh nghiệp nào. Với quyền lực được trao, người quản lý nếu không phải là một người trung thực, mẫn cán và vì lợi ích của chủ sở hữu, của công ty thì rõ ràng họ có thể thông qua các giao dịch để trục lợi vì mục đích cá nhân, gây tổn hại tới tài sản, thương hiệu và nhiều vấn đề khác của công ty. Những người quản lý trong công ty không chỉ có lợi ích về kinh tế nhờ các khoản thù lao được hưởng, mà họ còn có khả năng kiểm soát thông tin trong doanh nghiệp. Với cương vị đang nắm giữ cho phép người có chức quyền trong công ty có thể tạo dựng được nhiều mối quan hệ, nó không mang lại lợi ích vật chất trước mắt nhưng lại có ý nghĩa rất lớn về mặt lâu dài. Dựa trên mối quan hệ sẵn có họ có thể được cất nhắc lên những vị trí cao hơn và đồng nghĩa với việc là vị thế của họ cũng được nâng cao, có chức quyền gắn với nó là lợi ích mà cá nhân, gia đình được hưởng[3].

Những người lãnh đạo trong công ty trong quá trình quản lý điều hành không tránh khỏi những hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn để tư lợi riêng cho bản thân. Càng ở vị trí cao thì nguy cơ lạm dụng chức quyền càng dễ thấy. Sử dụng những cơ hội kinh doanh của công ty để

phục vụ lợi ích của riêng mình hoặc cạnh tranh với công ty.

Các công ty có thể quy định cụ thể về nghĩa vụ không lạm dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của cá nhân, tổ chức khác trong Điều lệ công ty và/hoặc trong các hợp đồng giữa công ty với người quản lý công ty. Trên thực tế, nhiều CTCP ở nhiều nước có quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin trong hợp đồng giữa công ty với người quản lý công ty. Và như vậy, nghĩa vụ bảo mật thông tin là nghĩa vụ hợp đồng. Người có hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin sẽ bị áp dụng các chế tài hợp đồng [10].

3. Một số kiến nghị

Từ những thực trạng phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

- Cần xây dựng rõ khái niệm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành của người quản lý công ty, trên cơ sở mối tương quan khi thực hiện các nghĩa vụ này với việc kiểm soát các giao dịch có khả năng tư lợi, việc lợi dụng các cơ hội để cạnh tranh với công ty.

- Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan cần làm rõ khái niệm người có liên quan của công ty và người quản lý theo hướng thống nhất giữa Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi cho người quản lý công ty thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin về người có liên quan nhằm phòng tránh giao dịch có khả năng tư lợi.

- Đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ của người quản lý công ty cổ phần đòi hỏi sự tổng hợp của nhiều yếu tố gồm: nhận diện người quản lý công ty; cơ chế xác lập người quản lý; điều kiện, tiêu chuẩn để được bổ nhiệm người quản lý công ty; các nghĩa vụ của người quản lý công ty; chế tài xử lý vi phạm. Bởi vậy, bên cạnh việc hoàn thiện các quy định về nghĩa vụ người quản lý cổ phần, đòi hỏi Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty phải hoàn thiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn để được bổ nhiệm người quản lý; làm rõ cơ chế xác lập người quản lý (người có thẩm quyền bổ nhiệm; thủ tục bổ nhiệm); và tăng cường chế tài xử lý vi phạm, đặc biệt là trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi người quản lý vi phạm nghĩa vụ [5] ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ngô Huy Cường (2013), Giáo trình Luật Thương mại phần chung và thương nhân; Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bùi Xuân Hải (2005), “Người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 1999 - Nhìn từ góc độ Luật So sánh”, Tạp chí Khoa học pháp lý 4/2005.
3. Phạm Duy Nghĩa (2004), Chuyên khảo Luật Kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Phạm Duy Nghĩa (2006), “Giáo trình Luật Kinh tế, tập 1, Luật Doanh nghiệp: Tình huống, phân tích, bình luận”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Lý, Phan Thị Thu Nhài (2018), “Nghĩa vụ của người quản lý công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2014”, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Số 9/2018.
6. Nguyễn Thanh Lý (2022), “Kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong công ty”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 07 (45)5, tháng 04/2022.
7. The OECD, The OECD Principles of Corporate, www.oecd.org
8. Ngô Viễn Phú, “Nghiên cứu so sánh quản lý CTCP theo pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và pháp luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, Luận Án Tiến sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD (2004), Bộ Quy tắc về quản trị công ty của OECD, tr.18.
10. Đỗ Minh Tuấn (2016), “Nghĩa vụ trung thành của người quản lý công ty cổ phần”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 5(309) - tháng 3/2016.

Ngày nhận bài: 12/7/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/7/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/8/2024

Thông tin tác giả:

PHAN THỊ THU NHÀI

Trường Đại học Lao động - Xã hội

THE MANAGER’S OBLIGATIONS OF HONESTY, CAREFULNESS, AND LOYALTY AT JOINT-STOCK COMPANIES IN ACCORDANCE TO CURRENT VIETNAM’S LAWS

● **PHAN THỊ THU NHÀI**

University of Labor and Social Affairs

ABSTRACT:

This study examined the role of managers in corporate governance, focusing on their obligations of honesty, carefulness, and loyalty. While these principles are fundamental to protecting the interests of shareholders and the company, current Vietnamese law has limitations in addressing these obligations comprehensively. By analyzing the manager’s obligations of honesty, carefulness, and loyalty, this study proposed recommendations to enhance Vietnamese law on manager obligations, aiming to strengthen corporate governance and mitigate risks associated with managerial misconduct.

Keywords: manager, duty of honesty, prudence, loyalty, transaction with potential for self-interest.